TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **42**/2025/QĐST-HNGĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh ngày 11/9/1994;

Căn cước công dân số 034194012621 cấp ngày 12/11/2021.

+ Bị đơn: Ông Lê Đình H, sinh năm 1983;

Căn cước công dân số 038083012448 cấp ngày 12/6/2018.

Cùng địa chỉ thường trú và liên hệ: C3 tầng 12, Chung cư B N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị P.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị Phương thuận T ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị P có 02 (hai) con chung tên là Lê Đình Đông P1, sinh ngày 07/8/2014 và Lê Thị Ngân H1, sinh

ngày 26/6/2018. Theo nguyện vọng của con chung, ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị P thỏa thuận giao 02 con chung cho ông Lê Đình H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và bà P cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi cháu là 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 09/2025.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí Tòa án: Ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà P tự nguyện nộp 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình và 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008447 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị P đã nộp xong án phí.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[4]. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 11, TP.HCM;
- Phòng Thi hành án KV11, TP.HCM;
- UBND phường Rạch Dừa, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

Phan Thị Yến Oanh